

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong
hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định năm 2017**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 15/TTr-STTTT ngày 22/02/2017 và đề nghị của Sở Tài chính và Sở Thông tin và Truyền thông tại Biên bản làm việc ngày 24/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định năm 2017 (sau đây gọi tắt là Chương trình CNTT).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình CNTT cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT VX;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K9.



Nguyễn Tuấn Thanh

CHƯƠNG TRÌNH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định năm 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số **685** /QĐ-UBND ngày 06/ 3 /2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm Hạ tầng thông tin thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; duy trì hoạt động hệ thống mạng nội đô kết nối các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện; phát triển các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh và mở rộng triển khai đến các đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh; cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để phục vụ cho người dân và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% văn bản hành chính trong các cơ quan nhà nước được gửi, nhận dưới dạng văn bản điện tử trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị thông qua hệ thống văn phòng điện tử liên thông.
- 50% các đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định được triển khai ứng dụng hệ thống văn phòng điện tử và được kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ 1: Đầu tư và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT) cho Trung tâm Hạ tầng thông tin; Bảo dưỡng mạng nội đô và thuê dịch vụ kênh truyền số liệu trong các cơ quan nhà nước Bình Định:

Nội dung triển khai:

- Đầu tư và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Trung tâm Hạ tầng thông tin thuộc Sở Thông tin và Truyền thông gồm: Đầu tư các trang thiết bị CNTT; hệ thống giám sát môi trường cho phòng máy chủ; mua bản quyền phần mềm hệ thống tường lửa (Firewall) từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 11 năm 2018.
- Thực hiện bảo dưỡng hệ thống mạng nội đô kết nối các cơ quan nhà nước; thuê thiết bị đầu cuối và thuê dịch vụ kênh truyền số liệu trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định.

1

Dự án 1: Đầu tư và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT cho Trung tâm Hạ tầng thông tin thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Kinh phí thực hiện: **825.290.000** đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Dự án 2: Bảo dưỡng mạng nội đô và thuê dịch vụ kênh truyền số liệu.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Tổng kinh phí thực hiện: **166.110.000** đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm mười nghìn đồng).

2. Nhiệm vụ 2: Triển khai các ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định

Nội dung triển khai:

- Xây dựng các ứng dụng phần mềm gồm: Ứng dụng thanh toán điện tử tích hợp vào hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh phục vụ cho công tác chỉ trả phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và ứng dụng lịch công tác tích hợp vào hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông nhằm phục vụ cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước được hiệu quả hơn.
- Tiếp tục triển khai cài đặt, cấu hình hệ thống và đào tạo hướng dẫn sử dụng hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; xây dựng và phát triển hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông đến các đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh.
- Tiếp tục xây dựng các biểu mẫu khai báo thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cho các cơ quan nhà nước của tỉnh.
- Xây dựng trang thông tin điện tử cho Công an tỉnh Bình Định nhằm cung cấp, trao đổi các thông tin hoạt động của ngành, văn bản pháp luật và các thông tin liên quan đến người dân trên địa bàn tỉnh.

Dự án 1: Xây dựng module thanh toán điện tử tích hợp vào hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Kinh phí thực hiện: **96.000.000** đồng (Chín mươi sáu triệu đồng).

Dự án 2: Xây dựng Trang thông tin điện tử Công an tỉnh.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Công an tỉnh.

2



- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Kinh phí thực hiện: **36.000.000** đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Dự án 3: Xây dựng ứng dụng lịch công tác tích hợp vào hệ thống Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Kinh phí thực hiện: **198.800.000** đồng (Một trăm chín mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng).

Dự án 4: Xây dựng các biểu mẫu khai báo của thủ tục hành chính công trực tuyến trên hệ thống Dịch vụ công của tỉnh cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Kinh phí thực hiện: **275.000.000** đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Dự án 5: Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông cho 6 cơ quan gồm: Sở Du lịch; Ban Quản lý Giải phóng mặt bằng tỉnh; Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp; Ban Quản lý dự án Giao thông; Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Sở Du lịch; Ban Quản lý Giải phóng mặt bằng tỉnh; Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp; Ban Quản lý dự án Giao thông; Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.
- Kinh phí thực hiện: **18.000.000** đồng (Mười tám triệu đồng).

Dự án 6: Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông đến cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã và UBND cấp huyện liên quan.
- Kinh phí thực hiện: **1.967.879.000** đồng (Một tỷ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Trong đó:

+ Kinh phí mua bản quyền phần mềm hệ thống Văn phòng điện tử cho toàn bộ các đơn vị cấp xã là: **1.399.479.000** đồng.



+ Kinh phí khai báo cài đặt, cấu hình hệ thống và đào tạo hướng dẫn sử dụng hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông cho cán bộ, công chức, viên chức tại 70 đơn vị cấp xã (giai đoạn 1) là: **568.400.000** đồng.

3. Nhiệm vụ 3: Đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước của tỉnh

Nội dung triển khai:

- Tổ chức đào tạo về quản lý dự án/giám sát thi công dự án CNTT cho cán bộ, công chức ở các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin mạng cho cán bộ quản trị mạng tại các cơ quan nhà nước của tỉnh; hỗ trợ các cán bộ chuyên trách về CNTT tham gia các khóa đào tạo về phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin và đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ phần mềm.

Dự án 1: Đào tạo về quản lý dự án/giám sát thi công dự án CNTT.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Kinh phí thực hiện: **68.000.000** đồng (*Sáu mươi tám triệu đồng*).

Dự án 2: Đào tạo chuyên viên an ninh mạng tại Bình Định.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Kinh phí thực hiện: **75.000.000** đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*).

Dự án 3: Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ chuyên trách CNTT tham gia các khóa đào tạo thuộc Đề án 99/QĐ-TTg của Chính phủ về phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Kinh phí thực hiện: **32.000.000** đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Dự án 4: Hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT tham gia các khóa đào tạo về phát triển phần mềm.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Kinh phí thực hiện: **82.000.000** đồng (*Tám mươi hai triệu đồng*).

4. Nhiệm vụ 4: Thông tin, tuyên truyền các hoạt động về lĩnh vực công nghệ thông tin.

Nội dung triển khai:



- Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước Bình Định nhằm giúp cho cán bộ chuyên trách CNTT của tỉnh tiếp cận với các sự cố về an toàn thông tin mạng và những biện pháp khắc phục, xử lý kịp thời khi sự cố xảy ra (nếu có).

- Xây dựng phóng sự, chuyên đề tuyên truyền về công nghệ thông tin trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

- Số hóa, cập nhật các thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 2 của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định tích hợp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Bình Định.

- Xây dựng nội dung tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến và an toàn thông tin mạng đến các cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Dự án 1: Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước Bình Định.

Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện.

Kinh phí thực hiện: 77.360.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Dự án 2: Xây dựng phóng sự tuyên truyền về công nghệ thông tin trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

Kinh phí thực hiện: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Dự án 3: Số hóa, cập nhật các thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 2 của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định tích hợp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh

Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Kinh phí thực hiện: 21.927.000 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Dự án 4: Xây dựng nội dung tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến và an toàn thông tin mạng đến các cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh

Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Các Đài truyền thanh cấp cơ sở của tỉnh.

Kinh phí thực hiện: 63.576.000 đồng (Sáu mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

5. Nhiệm vụ 5: Xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định

Nội dung triển khai:

 5

- Thực hiện khảo sát hiện trạng Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định trong những năm qua; tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá và lựa chọn phương án triển khai phù hợp với địa phương.

- Xây dựng và triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh theo Văn bản hướng dẫn số 2384/BTTTT-THH ngày 28/7/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về mẫu Đề cương kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Dự án: Xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Kinh phí thực hiện: **363.864.000** đồng (*Ba trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

6. Nhiệm vụ 6: Khảo sát, đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước và tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp CNTT của tỉnh năm 2017

Nội dung triển khai:

- Tiến hành rà soát các tiêu chí về đánh giá xếp hạng ứng dụng CNTT; điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí đánh giá, phương án khảo sát số liệu phù hợp với các quy định, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông trong năm 2017.

- Phân tích, đánh giá kết quả khảo sát, xếp hạng chỉ số theo các tiêu chí về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước và tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh.

Dự án: Khảo sát, đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước và tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp CNTT của tỉnh năm 2017

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp liên quan trên địa bàn tỉnh

- Kinh phí thực hiện: **50.000.000** đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

7. Nhiệm vụ 7: Ứng cứu sự cố, đảm bảo an toàn thông tin cho các dịch vụ công trực tuyến và các phần mềm dùng chung cho các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định

Nội dung triển khai:

- Hỗ trợ ứng cứu sự cố về an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước. Định kỳ kiểm tra, rà soát các nguy cơ và xử lý các sự cố mất an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định.

- Xây dựng quy trình xử lý sự cố an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Dự án: Triển khai ứng cứu sự cố, đảm bảo an toàn thông tin cho các dịch vụ công trực tuyến và các phần mềm dùng chung cho các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định

- Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Kinh phí thực hiện: **50.000.000** đồng (Năm mươi triệu đồng).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình: 4.545.000.000 đồng (Bốn tỷ, năm trăm bốn mươi lăm triệu đồng)

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách tỉnh (tại Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh).

Trong đó:

- Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ năm 2017: **4.496.806.010** đồng
- Chi phí thẩm định giá các trang thiết bị CNTT: **5.000.000** đồng
- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán Chương trình: **43.200.000** đồng

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Thời gian thực hiện: năm 2017

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức triển khai thực hiện đối với các nhiệm vụ, dự án được UBND tỉnh giao chủ trì thực hiện.

- Là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm thực hiện việc theo dõi, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình của các sở, ban, ngành và các đơn vị, địa phương liên quan; đảm bảo việc thực hiện Chương trình đúng mục đích, tiến độ và đạt kết quả đề ra.

- Kịp thời tổng hợp, báo cáo vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết trong quá trình thực hiện Chương trình cho UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chương trình đúng mục đích, tiến độ và đạt kết quả đề ra.

- Lãnh đạo các đơn vị chỉ đạo, quán triệt việc thực hiện đồng bộ hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông của tỉnh; đẩy mạnh sử dụng văn bản điện tử gửi/nhận liên thông giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; tăng cường triển khai sử dụng

dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại cơ quan, đơn vị mình.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông đến cấp xã tại địa phương; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật CNTT tại các đơn vị cấp xã dự kiến triển khai áp dụng trong năm 2017 thực hiện đạt kết quả tốt.

Yêu cầu Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ để triển khai thực hiện Chương trình này trên địa bàn tỉnh.



KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ
CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CÁC CQNN TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số **685** /QĐ-UBND ngày **06.3** /2017
 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
I	Đầu tư và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT cho Trung tâm Hạ tầng thông tin; Bảo dưỡng mạng nội đô và thuê dịch vụ kênh truyền số liệu trong các cơ quan nhà nước Bình Định:			991.400.000	Phụ lục 1
1	Đầu tư và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Trung tâm Hạ tầng thông tin gồm: Các trang thiết bị CNTT; hệ thống giám sát môi trường cho phòng máy chủ; bản quyền phần mềm hệ thống tường lửa (Firewall) từ tháng 11/2017 đến tháng 11/2018.	Sở TT&TT		825.290.000	Phụ lục 1.1
2	Bảo dưỡng mạng nội đô; thuê thiết bị đầu cuối và thuê dịch vụ kênh truyền số liệu trong các cơ quan nhà nước Bình Định.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	166.110.000	Phụ lục 1.2
II	Triển khai các ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN:			2.591.679.000	Phụ lục 2
1	Xây dựng module thanh toán điện tử tích hợp vào hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh phục vụ cho công tác chi trả phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	96.000.000	Phụ lục 2.1
2	Xây dựng trang thông tin điện tử cho Công an tỉnh Bình Định.	Công an tỉnh	Sở TT&TT	36.000.000	Phụ lục 2.2
3	Xây dựng lịch công tác tích hợp vào Hệ thống Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	198.800.000	Phụ lục 2.3
4	Xây dựng các biểu mẫu khai báo của thủ tục hành chính công trực tuyến trên hệ thống hành chính công của tỉnh cho các sở, ban, ngành và các đơn vị cấp huyện.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	275.000.000	Phụ lục 2.4

	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
5	Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông cho 6 cơ quan: Sở Du lịch; Ban Quản lý Giải phóng mặt bằng tỉnh; Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp; Ban Quản lý dự án Giao thông; Ban QL dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.	Sở TT&TT	Các cơ quan liên quan	18.000.000	Phụ lục 2.5
6	Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông đến cấp xã trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 1) gồm:			1.967.879.000	
6.1	Mua bản quyền phần mềm hệ thống Văn phòng điện tử cho toàn bộ các đơn vị cấp xã.	Sở TT&TT	Các đơn vị cấp xã và UBND cấp huyện liên quan	1.399.479.000	Theo bảng báo giá
6.2	Đào tạo hướng dẫn sử dụng cho CBCC; khai báo, cấu hình hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông tại 70 đơn vị cấp xã.	Sở TT&TT	CBCC các đơn vị cấp xã liên quan	568.400.000	Phụ lục 2.6
III	Đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN của tỉnh			257.000.000	Phụ lục 3
1	Đào tạo các lớp về quản lý dự án/giám sát thi công dự án CNTT cho cán bộ, công chức ở các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	68.000.000	
2	Đào tạo chuyên viên an ninh mạng tại Bình Định.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	75.000.000	
3	Hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT tham gia các khóa đào tạo về phát triển phần mềm; Hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT tham gia các khóa đào tạo thuộc Đề án 99/QĐ-TTg về phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020.	Sở TT&TT		114.000.000	
IV	Thông tin, tuyên truyền về CNTT	Sở TT&TT		192.863.000	Phụ lục 4
1	Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước Bình Định.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	77.360.000	

	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
2	Xây dựng phóng sự tuyên truyền về công nghệ thông tin trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.	Sở TT&TT	Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định	30.000.000	
3	Xây dựng, thiết lập trang Fanpage và cung cấp thông tin của tỉnh Bình Định trên mạng xã hội	Sở TT&TT		21.927.000	
4	Xây dựng nội dung tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến và an toàn thông tin mạng:			63.576.000	
4.1	Tuyên truyền tại các Đài Truyền thanh ở cấp cơ sở	Sở TT&TT	Các đài truyền thanh cấp cơ sở	14.446.000	
4.2	Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.	Sở TT&TT		40.000.000	
4.3	Chi phí duy trì chuyên mục và cập nhật tin, bài viết tuyên truyền về An toàn thông tin mạng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh	Sở TT&TT		9.130.000	
V	Xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	363.864.010	Phụ lục 5
1	Khảo sát hiện trạng Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	97.000.000	Phụ lục 5.1
2	Xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	266.864.010	Phụ lục 5.2
VI	Điều chỉnh các tiêu chí xếp hạng ứng dụng CNTT; khảo sát, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước của tỉnh và tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp CNTT của tỉnh năm 2017	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	50.000.000	Phụ lục 6
VII	Ứng cứu sự cố, đảm bảo an toàn thông tin cho các dịch vụ công trực tuyến và các phần mềm dùng chung cho các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định			50.000.000	
VIII	Chi phí thẩm định giá			5.000.000	
IX	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán Chương trình			43.200.000	

	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG			4.545.006.010	
	TỔNG CỘNG (làm tròn số)			4.545.000.000	

**ĐẦU TƯ VÀ NÂNG CẤP HẠ TẦNG KỸ THUẬT CNTT CHO TRUNG TÂM HẠ TẦNG
THÔNG TIN BÌNH ĐỊNH; BẢO DƯỠNG MẠNG NỘI ĐÔ VÀ THUÊ DỊCH VỤ KÊNH
TRUYỀN SÓ LIỆU TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC BÌNH ĐỊNH.**

TT	Nội dung thực hiện	Kinh phí	Ghi chú
1	Đầu tư và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Trung tâm Hạ tầng thông tin gồm: Các trang thiết bị CNTT; hệ thống giám sát môi trường cho phòng máy chủ; bản quyền phần mềm hệ thống tường lửa (Firewall) từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 11 năm 2018.	825.290.000	Chi tiết tại phụ lục 1.1
2	Bảo dưỡng mạng nội đô; thuê thiết bị đầu cuối và thuê dịch vụ kênh truyền số liệu trong các cơ quan nhà nước Bình Định.	166.110.000	Chi tiết tại phụ lục 1.2
	Tổng cộng	991.400.000	



Phụ lục 1.1

ĐẦU TƯ VÀ NÂNG CẤP HẠ TẦNG KỸ THUẬT CNTT TẠI TRUNG TÂM HẠ TẦNG THÔNG TIN GỒM: CÁC TRANG THIẾT BỊ CNTT; HỆ THỐNG GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CHO PHÒNG MÁY CHỦ; BẢN QUYỀN PHẦN MỀM HỆ THỐNG TƯỜNG LỬA TỪ THÁNG 11/2017 ĐẾN THÁNG 11/2018

A. Đầu tư và nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin				
TT	Chi tiết thiết bị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Ổ cứng cho thiết bị SAN: HPE MSA 1.2TB 12G SAS 10K 2.5in ENT HDD	12	22.330.000	267.960.000
2	SAN Switch - HPE 8/8 Base 8-port Enabled SAN Switch - 3 years warranty: - HPE 8/8 Base 8-port Enabled SAN Switch - 2.4m Jumper (IEC320 C13/C14, M/F CEE 22) - HPE B-Series 8/8 and 8/24 Switch Support - HPE Premier Flex LC/LC OM4 2f 15m Cbl - HPE 8Gb Short Wave B-Series SFP+ 1 Pack	1	156.000.000	156.000.000
	Tổng trước thuế			423.960.000
	Thuế VAT (10%)			42.396.000
	Tổng cộng (A)			466.356.000
B. Xây dựng hệ thống giám sát môi trường cho phòng máy chủ				
TT	Chi tiết thiết bị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Room Alert 32E (PoE, 1U Rack, Wall, Standard) Controller điều khiển cả hệ thống (Xuất xứ Mỹ)	1 bộ	33.464.000	33.464.000
2	Digital Temperature & Humidity Sensor. Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm (Xuất xứ Mỹ)	2 bộ	4.167.100	8.334.200
3	Flood SENSOR w/24' Flood Cable. Cáp cảm biến phát hiện rò rỉ nước, ngập (Xuất xứ Mỹ)	1 sợi	13.993.200	13.993.200
4	Air Flow 1 Sensor (Normally Closed, NC, Recommended). Cảm biến gió(từ máy quạt, máy lạnh) bắt đầu thổi/ tắt theo thời gian thực (Xuất xứ Mỹ).	1 cái	1.990.400	1.990.400
5	Motion Sensor New Price Cảm biến phát hiện chuyển động (Xuất xứ Mỹ).	1 cái	2.376.700	2.376.700
6	Power Sensor (100-240V) New Price. Cảm biến xác định theo thời gian thực việc đóng ngắt của nguồn điện chính (Xuất xứ Mỹ).	1 cái	2.863.000	2.863.000
7	Smoke Sensor w/Escap Light. Cảm biến khói (Xuất xứ Mỹ).	1 cái	2.815.200	2.815.200
8	Room Entry Sensor. Công tắc từ cửa, phát hiện đóng mở cửa	1 cái	938.400	938.400
9	Bộ nhắn tin SMS (Xuất xứ Trung Quốc)	1 bộ	5.200.000	5.200.000
10	Phần mềm nhắn tin (Xuất xứ Mỹ).	1 bộ	4.600.000	4.600.000

11	Nhân công lắp đặt, cấu hình: - Thi công, lắp đặt bộ điều khiển lên Rack - Thi công, lắp đặt dây tín hiệu mạng cho bộ điều khiển (cáp Cat5e AMP) - Thi công dây cáp điện cho hệ thống điều khiển - Thi công cáp tín hiệu cho các Sensor - Cài đặt phần mềm quản lý và phần mềm nhận tin lên server - Hướng dẫn quản trị, sử dụng. - Vật liệu phụ thi công (dây điện, cáp mạng, cáp tín hiệu)	1 gói	9.600.000	9.600.000
	Tổng trước thuế			86.175.100
	Thuế VAT (10%)			8.617.510
	Tổng cộng (B)			94.792.610
C. Mua bản quyền phần mềm hệ thống tường lửa (Từ tháng 11/2017 đến 11/2018)				
TT	Chi tiết thiết bị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Bản quyền phần mềm hệ thống tường lửa gồm:			
1.1	PAN-SVC-BKLN-3020-R Ptr. Prem. Support, 1Y Renewal, PA3020	1 year	67.032.000	67.032.000
1.2	PAN-PA-3020-TP-R TP, 1Y Renewal, PA3020	1 year	85.260.000	85.260.000
	Tổng cộng (C)			152.292.000
D. Đầu tư trang thiết bị chuyên dụng để hỗ trợ cho công tác tuyên truyền và quản lý các cuộc họp giao ban trực tuyến				
TT	Nội dung chi tiết	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Laptop N5559D - P51F004: - CPU: Intel, Core™ i7 Skylake, 6500U, 2.5 GHz RAM: DDR3L, 8GB Ổ cứng: HDD, 1TB Màn hình rộng: 15.6 inch, HD (1366 x 768 pixels) Đồ họa: AMD R5 M335, 2GB Ổ đĩa quang: DVD-RW PIN/Battery: 4 Cell Hệ điều hành, phần mềm sẵn có/OS: Dos	1	20.000.000	20.000.000
2	Máy quay phim Sony HXR-NX3 P/N: Cảm biến (Sensor) : 1/4" CMOS Optical Zoom : 10x Minimum Illumination (Lux) : 3 lux Độ dài tiêu cự (Focal Length) : f = 2.9mm - 29mm Maximum Recording Time : 1/8 - 1/1,000 Định dạng Video : HD; MPEG-2 Thiết bị lưu trữ: SD eXtended Capacity Card (SDXC); Secure Digital Card (SD); Secure Digital High Capacity (SDHC); Memory Stick Pro Duo (MPD); Memory stick PRO-HG Duo. Kích cỡ máy (Dimensions) : 86.5×79.0×148.5 mm Trọng lượng (Weight) : 745g	1	85.800.000	85.800.000

3	Thiết bị hỗ trợ cho máy quay phim: - Chân quay video cơ động TA253AKS-5P + Sử dụng quay/chụp đa năng + Trọng lượng: 2,7kg; chịu khối lượng 4kg - Thẻ nhớ Sandisk - 128Gb	1	6.050.000	6.050.000
	Tổng cộng (D)			111.850.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)			825.290.610
	Tổng cộng (làm tròn số)			825.290.000



Phụ lục 1.2

**BẢO DƯỠNG MẠNG NỘI ĐÔ; THUÊ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI VÀ THUÊ DỊCH VỤ KÊNH
TRUYỀN SỐ LIỆU TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

TT	Hạng mục	Đơn giá./tháng	Số lượng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	Bảo dưỡng mạng nội đô (8 điểm)	2.800.000	1	12	33.600.000	Tính cho cả năm 2017
2	Cước phí hàng tháng của 32 điểm, 5M	150.000	32	12	57.600.000	Tính cho cả năm 2017
3	Cước phí kênh trực liên tỉnh 5M	984.000	1	12	11.808.000	Tính cho cả năm 2017, theo TT 06 của BTTTT
4	Thuê thiết bị đầu cuối tại 40 điểm	100.000	40	12	48.000.000	Tính cho cả năm 2017
	Tổng trước thuế				151.008.000	
	Thuế VAT (10%)				15.100.800	
	Tổng cộng				166.108.800	
	Tổng cộng (làm tròn số)				166.110.000	



TRIỂN KHAI CÁC ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CQNN

STT	Nội dung thực hiện	Kinh phí	Ghi chú
1	Xây dựng module thanh toán điện tử tích hợp vào hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh phục vụ cho công tác chi trả phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	96.000.000	Chi tiết tại phụ lục 2.1
2	Xây dựng trang thông tin điện tử cho Công an tỉnh Bình Định.	36.000.000	Chi tiết tại phụ lục 2.2
3	Xây dựng lịch công tác tích hợp vào Hệ thống Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh.	198.800.000	Chi tiết tại phụ lục 2.3
4	Xây dựng các biểu mẫu khai báo của thủ tục hành chính công trực tuyến trên hệ thống hành chính công của tỉnh cho các sở, ban, ngành và các đơn vị cấp huyện.	275.000.000	Chi tiết tại phụ lục 2.4
5	Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông cho 6 cơ quan: Sở Du lịch Bình Định; Ban Giải phóng Mặt bằng tỉnh Bình Định; Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp; Ban Quản lý dự án Giao thông; Ban QL dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.	18.000.000	Chi tiết tại phụ lục 2.5
6	Đào tạo hướng dẫn sử dụng cho CBCC; khai báo, cấu hình hệ thống Văn phòng điện tử kết nối liên thông tại 70 đơn vị cấp xã.	568.400.000	Chi tiết tại phụ lục 2.6
	Tổng cộng	1.192.200.000	

XÂY DỰNG MODULE THANH TOÁN ĐIỆN TỬ TÍCH HỢP VÀO HỆ THỐNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CỦA TỈNH PHỤC VỤ CHO CÔNG TÁC CHI TRẢ PHÍ, LỆ PHÍ KHI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4

(Theo Công văn số 2589/BTTTT-UDCNTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 24/08/2011 về việc hướng dẫn chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ)

Bảng tính giá trị phần mềm			
TT	Hạng mục	Diễn giải	Giá trị
I	Tính điểm trường hợp sử dụng (Use-case)		0
1	Điểm Actor (TAW)		4
2	Điểm Use-case (TBF)		20
3	Tính điểm UUCP	$UUCP = TAW + TBF$	24
4	Hệ số phức tạp về KT-CN (TCF)	$TCF = 0,6 + (0,01 \times TFW)$	1,08
5	Hệ số phức tạp về môi trường (EF)	$EF = 1,4 + (-0,03 \times EFW)$	1,07
6	Tính điểm AUCP	$AUCP = UUCP \times TCF \times EF$	27,7344
II	Nội suy thời gian lao động (P)	$P = \text{người/giờ}/AUCP$	32,00
III	Giá trị nỗ lực thực tế (E)	$E = 10/6 \times AUCP$	46,224
IV	Mức lương lao động bình quân (H) (Có bảng chi tiết kèm theo)	$H = \text{người/giờ}$	26.525
V	Định giá phần mềm nội bộ (G)	$G = 1,4 \times E \times P \times H \times 1$ (VAT=0%)	54.928.451

Bảng tính toán mức lương trung bình		
TT	Tên mục	Giá trị
1	Hệ số lương trung bình (HSTB)	2,67
2	Lương tối thiểu (LTT)	1.210.000
3	Lương cơ bản trung bình (LCBTB = $HSTB \times LTT$)	3.230.700
4	Chi phí BHXH, BHYT (30,5%LCBTB)	985.364
5	Lương phụ cấp khác (khoản)	0
6	Lương phụ và chi phí khác (14%*LCBTB)	452.298
7	Tổng Lương	4.668.362
8	Số giờ làm việc trong tháng (22 ngày * 8 giờ)	176
	Lương bình quân giờ (làm tròn)	26.525

Bảng tổng hợp chi phí xây dựng phần mềm				
TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Giá trị	Ký hiệu
1	Giá trị phần mềm	$1,4 \times E \times P \times H$	54.928.451	G
2	Chi phí chung	$G \times \text{tỷ lệ}$	35.703.493	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(G + C) \times \text{tỷ lệ}$	5.437.917	TL
4	Chi phí phần mềm	$G + C + TL$	96.069.860	GPM
	Tổng cộng	GPM	96.069.860	
	Tổng cộng (làm tròn số)	GPM	96.000.000	

Phụ lục 2.2

DỰ TOÁN XÂY DỰNG, THIẾT KẾ WEBSITE CÔNG AN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Theo Công văn số 2589/BTTTT-UDCNTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 24/08/2011 về việc hướng dẫn chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ)

Bảng tính giá trị phần mềm			
TT	Hạng mục	Diễn giải	Giá trị
I	Tính điểm trường hợp sử dụng (Usecase)		
1	Điểm Actor (TAW)	Sheet TAW	4
2	Điểm Use case (TBF)	Sheet TBF	5
3	Tính điểm UUCP	UUCP=TAW + TBF	9
4	Hệ số phức tạp về KT-CN (TCF)	TCF=0,6+(0,01 x TFW)	1,08
5	Hệ số phức tạp về môi trường (EF)	EF=1,4+(-0,03 x EFW)	1,07
6	Tính điểm AUCP	AUCP=UUCP x TCF x EF	10,4004
II	Nội suy thời gian lao động (P)	P=người/giờ/AUCP	32
III	Giá trị nỗ lực thực tế (E)	E=10/6 x AUCP	17,33
IV	Mức lương lao động bình quân (H)	H=người/giờ	26.525
V	Định giá phần mềm nội bộ (G)	G=1,4 x E x P x H	20.598.169

Bảng tính toán mức lương trung bình		
TT	Tên mục	Giá trị
1	Hệ số lương trung bình (HSTB)	2,67
2	Lương tối thiểu (LTT)	1.210.000
3	Lương cơ bản trung bình (LCBTB = HSTB * LTT)	3.230.700
4	Chi phí BHXH, BHYT (30,5%LCBTB)	985.364
5	Lương phụ cấp khác (khoản)	0
6	Lương phụ và chi phí khác (14%*LCBTB)	452.298
7	Tổng Lương	4.668.362
8	Số giờ làm việc trong tháng (22 ngày*8 giờ)	176
	Lương bình quân giờ (làm tròn)	26.525

Bảng tổng hợp chi phí xây dựng phần mềm				
TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Giá trị	Ký hiệu
1	Giá trị phần mềm	1,4 x E x P x H	20.598.169	G
2	Chi phí chung	G x 65%	13.388.810	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	(G+C) x 6%	2.039.219	TL
4	Chi phí phần mềm	G + C + TL	36.026.198	GPM
	Tổng cộng	GPM	36.026.198	
	Tổng cộng (làm tròn số)	GPM	36.000.000	

(Chữ ký)

**XÂY DỰNG LỊCH CÔNG TÁC TÍCH HỢP VÀO HỆ THỐNG VĂN PHÒNG ĐIỆN TỬ
LIÊN THÔNG CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*(Theo Công văn số 2589/BTTTT-UĐCNTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 24/08/2011
về việc hướng dẫn chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ)*

Bảng tính giá trị phần mềm			
TT	Hạng mục	Diễn giải	Giá trị
I	Tính điểm trường hợp sử dụng (Use-case)		0
1	Điểm Actor (TAW)		8
2	Điểm Use-case (TBF)		35
3	Tính điểm UUCP	$UUCP = TAW + TBF$	43
4	Hệ số phức tạp về KT-CN (TCF)	$TCF = 0,6 + (0,01 \times TFW)$	1,08
5	Hệ số phức tạp về môi trường (EF)	$EF = 1,4 + (-0,03 \times EFW)$	1,13
6	Tính điểm AUCP	$AUCP = UUCP \times TCF \times EF$	52,4772
II	Nội suy thời gian lao động (P)	$P = \text{người/giờ} / AUCP$	32,00
III	Giá trị nỗ lực thực tế (E)	$E = 10/6 \times AUCP$	87,462
IV	Mức lương lao động bình quân (H)	$H = \text{người/giờ}$	29.016
V	Định giá phần mềm nội bộ (G)	$G = 1,4 \times E \times P \times H \times 1$ (VAT=0%)	113.694.208

Bảng tính toán mức lương trung bình		
TT	Tên mục	Giá trị
1	Hệ số lương trung bình (HSTB)	2,835
2	Lương tối thiểu (LTT)	1.210.000
3	Lương cơ bản trung bình (LCBTB = HSTB * LTT)	3.430.350
4	Chi phí BHXH, BHYT (30,5% LCBTB)	1.046.257
5	Lương phụ cấp khác (khoản)	150.000
6	Lương phụ và chi phí khác (14%*LCBTB)	480.249
7	Tổng Lương	5.106.856
8	Số giờ làm việc trong tháng (22 ngày * 8 giờ)	176
	Lương bình quân giờ (làm tròn)	29.016

Bảng tổng hợp chi phí xây dựng phần mềm				
TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Giá trị	Ký hiệu
1	Giá trị phần mềm	$1,4 \times E \times P \times H$	113.694.208	G
2	Chi phí chung	$G \times \text{tỷ lệ}$	73.901.235	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(G + C) \times \text{tỷ lệ}$	11.255.727	TL
4	Chi phí phần mềm	$G + C + TL$	198.851.170	GPM
	Tổng cộng	GPM	198.851.170	
	Tổng cộng (làm tròn số)	GPM	198.800.000	

**XÂY DỰNG CÁC BIỂU MẪU KHAI BÁO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG
TRỰC TUYẾN TRÊN HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH CÔNG CỦA TỈNH CHO CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN**

A. Xây dựng các biểu mẫu cho các đơn vị cấp huyện					
TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khảo sát thực tế một dịch vụ công	Ngày	5	350.000	1.750.000
2	Cấu hình, phân quyền nhóm tài khoản người dùng	Ngày	0,5	300.000	150.000
3	Cấp thủ tục ở DVC xuống hệ thống Một cửa	Ngày	0,5	300.000	150.000
4	Vẽ biểu mẫu trên cổng DVC và trên hệ thống Một cửa	Ngày	3	300.000	900.000
5	Tạo quy trình cho thủ tục, chạy thử nghiệm quy trình	Ngày	3	350.000	1.050.000
6	Chi phí đi lại ăn ở tại 1 huyện	Ngày	5	300.000	1.500.000
	Tổng chi phí (1 dịch vụ công)				5.500.000
	Tổng chi phí (20 dịch vụ công)				110.000.000
B. Xây dựng các biểu mẫu cho các sở, ban, ngành					
TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khảo sát thực tế một dịch vụ công	Ngày	3	350.000	1.050.000
2	Cấu hình, phân quyền nhóm tài khoản người dùng	Ngày	0,5	300.000	150.000
3	Cấp thủ tục ở DVC xuống hệ thống Một cửa	Ngày	0,5	300.000	150.000
4	Vẽ biểu mẫu trên cổng DVC và trên hệ thống Một cửa	Ngày	3	300.000	900.000
5	Tạo quy trình cho thủ tục, chạy thử nghiệm quy trình	Ngày	3	350.000	1.050.000
	Tổng chi phí (1 dịch vụ công)				3.300.000
	Tổng chi phí (50 dịch vụ công)				165.000.000
	Tổng cộng (A+B)				275.000.000

TRIỂN KHAI HỆ THỐNG VĂN PHÒNG ĐIỆN TỬ KẾT NỐI LIÊN THÔNG CHO 6 CƠ QUAN: SỞ DU LỊCH; BAN GIẢI PHÓNG MẬT BẢNG TỈNH BÌNH ĐỊNH; BAN QL DỰ ÁN DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP; BAN QL DỰ ÁN GIAO THÔNG; BAN QL DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NT; ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH BÌNH ĐỊNH

TT	Nội dung công việc triển khai	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I Chuẩn bị					
1	Khảo sát, kiểm tra hạ tầng (PC, Server, LAN, kết nối đơn vị với DC, ...), hiện trạng hệ thống và các phần mềm tại đơn vị	Ngày công	0,5	600.000	300.000
2	Xây dựng kế hoạch triển khai (Lập Review, thống nhất các kế hoạch đào tạo, vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức...)	Ngày công	0,5	600.000	300.000
II Cài đặt, thiết lập hệ thống					
1	Cài đặt, cấu hình liên thông tại 01 đơn vị	Ngày công	0,5	400.000	200.000
2	Cấu hình chung về trục liên thông (LDAP, người dùng, phân quyền, danh mục, quy trình, tham số...)	Ngày công	0,5	800.000	400.000
3	Hiệu chỉnh cấu hình kết nối của các hệ thống iDesk với trục liên thông (LDAP, người dùng, phân quyền, danh mục, quy trình, tham số...)	Ngày công	0,5	600.000	300.000
III Hỗ trợ vận hành thử nghiệm					
1	Hỗ trợ vận hành thử nghiệm tại đơn vị	Ngày công	0,5	800.000	400.000
2	Thực hiện điều chỉnh phần mềm	Ngày công	1	600.000	600.000
3	Cập nhật lại hệ thống sau chỉnh sửa	Ngày công	0,5	600.000	300.000
IV Hỗ trợ vận hành chính thức					
1	Hỗ trợ vận hành chính thức tại đơn vị	Ngày công	0,5	400.000	200.000
Tổng chi phí (01 đơn vị)					3.000.000
Tổng kinh phí (06 đơn vị)					18.000.000

ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO CBCC; KHAI BÁO CẤU HÌNH HỆ THỐNG VĂN PHÒNG ĐIỆN TỬ KẾT NỐI LIÊN THÔNG CHO CBCC Ở 70 ĐƠN VỊ CẤP XÃ

A. Đào tạo hướng dẫn sử dụng hệ thống văn phòng điện tử cho cán bộ, công chức của 70 đơn vị cấp xã						
TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Đào tạo cán bộ quản trị hệ thống	Buổi	2	400.000	800.000	Theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài
2	Đào tạo văn thư	Buổi	2	400.000	800.000	
3	Hướng dẫn sử dụng tại phòng làm việc cho lãnh đạo	Buổi	2	400.000	800.000	
4	Đào tạo lãnh đạo và chuyên viên các phòng ban	Buổi	2	800.000	1.600.000	Theo Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT và B
5	Hỗ trợ tại chỗ các yêu cầu ,khắc phục sự cố phát sinh	Ngày	1	600.000	600.000	
6	Chi phí đi lại cho giảng viên	Buổi	5	100.000	500.000	Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính
7	Chi phí ăn ở cho giảng viên	Ngày	5	180.000	900.000	
8	Chi phí đi lại cho trợ giảng	Ngày	2	200.000	400.000	
9	Chi phí ăn ở cho trợ giảng	Ngày	2	360.000	720.000	
	Tổng cộng (1 đơn vị)				7.120.000	
A	Tổng cộng (70 đơn vị)				498.400.000	
B. Khai báo, cấu hình hệ thống văn phòng điện tử liên cho 70 đơn vị cấp xã						
TT	Nội dung công việc triển khai	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
I	Chuẩn bị					
1	Khảo sát, kiểm tra hạ tầng (PC, Server, LAN, kết nối đơn vị với DC, ...), hiện trạng hệ thống và các phần mềm tại đơn vị	Ngày công	0,5	600.000	300.000	
II	Khai báo, thiết lập hệ thống					
1	Khai báo, Cấu hình chung về trực liên thông (LDAP, người dùng, phân quyền, danh mục, quy trình, tham số...)	Ngày công	0,5	800.000	400.000	

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
2	Hiệu chỉnh cấu hình kết nối của các hệ thống iDesk với trực liên thông (LDAP, người dùng, phân quyền, danh mục, quy trình, tham số...)	Ngày công	0,5	600.000	300.000	
	Tổng cộng (01 đơn vị)				1.000.000	
B	Tổng cộng (70 đơn vị)				70.000.000	
	Tổng cộng (A) (B)				568.400.000	

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Đào tạo giám sát thi công dự án CNTT				68.000.000
-	Đào tạo giám sát thi công dự án CNTT cho cán bộ quản trị mạng ở các sở, ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	Người	34	2.000.000	68.000.000
2	Đào tạo nâng cao an toàn thông tin mạng				75.000.000
-	Tổ chức lớp đào tạo Chuyên viên an ninh mạng tại Bình Định	Lớp	1	75.000.000	75.000.000
3	Hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT tham gia các khóa đào tạo thuộc Đề án 99/QĐ-TTg về phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020.				32.000.000
3.1	Tàu xe đi về	Lượt	2	750.000	1.500.000
3.2	Thuê phòng trọ	Ngày	5	350.000	1.750.000
3.3	Hỗ trợ sinh hoạt phí	Ngày	5	150.000	750.000
a	Tổng cộng chi phí hỗ trợ 1 người/đợt ($a = 3.1 + 3.2 + 3.3$)	Người	1		4.000.000
b	Tổng cộng chi phí hỗ trợ 4 người/đợt ($a \times 4$)	Người	4	4.000.000	16.000.000
c	Tổng cộng chi phí hỗ trợ 4 người tham gia 2 đợt ($b \times 2$)	Đợt	2	16.000.000	32.000.000
4	Hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT tham gia các khóa đào tạo về phát triển phần mềm.				82.000.000
(Căn cứ Theo Thông tư 139/2010/TT-BTC; Thông tư 97/2010/TT-BTC và theo giá thị trường)					
4.1	Chi phí tài liệu đào tạo 1 người trong 02	Khóa	1	1.000.000	1.000.000
4.2	Tiền thuê phòng trọ	ngày	60	150.000	9.000.000
4.3	Hỗ trợ sinh hoạt phí	ngày	60	150.000	9.000.000
4.4	Tiền tàu xe đi lại 2 lượt (đi về bằng tàu)	Lượt	2	750.000	1.500.000
a	Tổng chi phí đào tạo 1 người	người	1		20.500.000
b	Tổng chi phí đào tạo 4 người ($a \times 4$)	người	4	20.500.000	82.000.000
	Tổng chi phí đào tạo (1+2+3+4)				257.000.000

THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VỀ LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

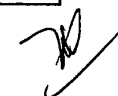
TT	Khoản mục chi	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
I	Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước Bình Định				77.360.000
1	Thuê hội trường, thiết bị phục vụ	Buổi	1	2.200.000	2.200.000
2	Trang trí băng rôn, hoa hội trường	Bộ	1	500.000	500.000
3	Nước uống và giải khát giữa giờ cho học viên, giảng viên	Người	100	25.000	2.500.000
4	Chi biên soạn tài liệu phục vụ đợt diễn tập	Trang	30	35.000	1.050.000
5	In ấn tài liệu cho học viên, giảng viên	Bộ	100	30.000	3.000.000
6	Bồi dưỡng giảng viên (mời 1 Giảng viên là chuyên gia về ATTT)	Buổi	1	500.000	500.000
7	Thù lao cho trợ giảng (2 người)	Buổi	2	200.000	400.000
8	Chi phương tiện đi lại (3 người) (vé máy bay từ TP.HCM – Quy Nhơn và ngược lại)	Vé	6	1.165.000	6.990.000
9	Phụ cấp lưu trú cho giảng viên và trợ giảng (3 người x 150.000 vnd/người/ngày)	Người	3	150.000	450.000
10	Chi tiền phòng nghỉ cho giảng viên và trợ giảng (3 người x 250.000 vnd/người/đêm)	Người x Ngày	3	250.000	750.000
11	Chi cho báo, đài đưa tin	Người	2	200.000	400.000
12	Chi cho cán bộ phục vụ	Người	3	200.000	600.000
Tổng kinh phí cho 1 đợt diễn tập					19.340.000
Tổng kinh phí cho 4 đợt diễn tập (I)					77.360.000
II	Xây dựng phòng sự tuyên truyền về công nghệ thông tin và truyền thông trên Đài phát thanh và truyền hình Bình Định				30.000.000
1	Khối nội dung				8.600.000
1.1	Viết lời bình	Người	1	500.000	500.000
1.2	Đọc lời bình	Người	1	500.000	500.000
1.3	Chỉ đạo nội dung	Người	1	1.200.000	1.200.000
1.4	Chỉ đạo sản xuất	Người	1	1.500.000	1.500.000
1.5	Biên tập nội dung chương trình	Ngày	1	700.000	700.000
1.6	Biên tập máy lẻ	Ngày	1	500.000	500.000
1.7	Đạo diễn chương trình	Ngày	1	2.000.000	2.000.000
1.8	Quay phim máy lẻ	Ngày	1	1.000.000	1.000.000
1.9	Tổ chức sản xuất	Ngày	1	700.000	700.000
2	Khối kỹ thuật				3.400.000
2.1	Chỉ đạo kỹ thuật	Người	1	1.500.000	1.500.000
2.2	Kỹ thuật đọc	Ngày	1	500.000	500.000
2.3	Kỹ thuật dựng tuyến tính	Ngày	1	700.000	700.000

TT	Khoản mục chi	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
2.4	Kỹ thuật máy lưu động	Ngày	1	700.000	700.000
3	Băng ghi hình	Cuộn	1	703.000	703.000
4	Công tác phí và lưu trú (đi ghi hình)				300.000
4.1	Lái xe (1 người)	Ngày	1	150.000	150.000
4.2	Quay phim (2 người)	Ngày	1	150.000	150.000
5	Phát sóng	Lần	2		2.000.000
	Tổng chi phí thực hiện 1 phóng sự:				15.003.000
	Tổng chi phí thực hiện 2 phóng sự:				30.006.000
	Tổng cộng (làm tròn số) (II)				30.000.000
III	Xây dựng, thiết lập trang Fanpage và cung cấp thông tin của tỉnh Bình Định trên mạng xã hội (Căn cứ theo Thông tư 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử..)				21.927.000
1	Chi thiết kế, tạo lập trang Fanpage trên mạng xã hội Facebook				
1.1	Chi thiết lập giao diện chính, bố cục từng trang Fanpage và các trang liên kết thông tin trên mạng xã hội	Trang	35	42.000	1.470.000
1.2	Chi thiết kế logo (ảnh đại diện)	Ảnh	8	200.000	1.600.000
1.3	Chi thiết kế ảnh banner (ảnh trang chủ)	Ảnh	8	300.000	2.400.000
1.4	Chi sản xuất video 5-7 phút	Video	10	800.000	8.000.000
2	Chi cung cấp thông tin trên Fanpage				
2.1	Chi nhập dữ liệu vào các trang đã thiết lập (dạng dữ liệu phi cấu trúc)	Trang	120	9.500	1.140.000
2.2	Chi số hóa thông tin (gồm số hóa tài liệu, hình ảnh và các định dạng khác)	Dữ liệu	235	12.600	2.961.000
2.3	Chi thù lao cho quản trị trang Fanpage (năm 2017) (định mức hệ số 0.3 mức lương CB)	Người * 12 tháng *	12	1.210.000	4.356.000
	Tổng chi phí thực hiện (III)				21.927.000
VI	Xây dựng nội dung chương trình tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến và an toàn thông tin mạng : (Căn cứ các mức chi tại Quyết định 40/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND tỉnh về quản lý, vận hành cung cấp thông tin trên Trang/Cổng TTĐT)				63.576.000
1	Tuyên truyền tại các Đài truyền thanh ở cấp cơ sở				14.446.000
1.1	Khai thác tư liệu chương trình	bộ	1	200.000	200.000
1.2	Biên tập viên	người	1	300.000	300.000
1.3	Duyệt nội dung	người	1	350.000	350.000
1.4	Nhuận bút:	C.tr			1.700.000
-	Tin		5	100.000	500.000
-	Bài viết		3	400.000	1.200.000

TT	Khoản mục chi	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1.5	Phát thanh viên: 01 người ..	người	1	150.000	150.000
1.6	Kỹ thuật viên	người	1	150.000	150.000
1.7	Đĩa CD, hộp đựng	Cái	195	15.000	2.925.000
1.8	Chi phí gửi đĩa đến cơ sở		181	8.000	1.448.000
	Tổng chi phí thực hiện 1 chương trình				7.223.000
	Tổng chi phí thực hiện 2 chương trình (1)				14.446.000
2	Xây dựng các video để tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử tỉnh				40.000.000
2.1	Viết lời bình	Người	1	600.000	600.000
2.2	Đọc lời bình	Người	1	400.000	400.000
2.3	Chỉ đạo nội dung	Người	1	700.000	700.000
2.4	Biên tập nội dung chương trình	Người	1	500.000	500.000
2.5	Quay phim	Người	2	500.000	1.000.000
2.6	Đạo diễn chương trình	Người	1	700.000	700.000
2.7	Tổ chức sản xuất	Người	1	500.000	500.000
2.8	Chỉnh sửa hình ảnh, video	Người	2	300.000	600.000
	Tổng cộng chi phí thực hiện 1 video				5.000.000
	Tổng cộng chi phí thực hiện 8 video				40.000.000
3	Chi phí duy trì chuyên mục và cập nhật tin, bài viết tuyên truyền về An toàn thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh				9.130.000
3.1	Chi nhuận bút:				7.610.000
-	Bài viết	bài	6	400.000	2.400.000
-	Tin viết	tin	12	115.000	1.380.000
-	Tin sưu tầm	tin	60	23.000	1.380.000
-	Tin dẫn nguồn văn bản	tin	5	34.000	170.000
-	Hình ảnh	hình ảnh	18	50.000	900.000
-	Video sưu tầm		6	230.000	1.380.000
3.2	Chi thù lao ban biên tập		1	1.520.000	1.520.000
	Tổng cộng (3)				9.130.000
	Tổng cộng (IV)				63.576.000
	Tổng chi phí về tuyên truyền (I+II+III+IV)				192.863.000

Phụ lục 5

TT	Nội dung chi phí	Kinh phí	Ghi chú
1	Khảo sát phục vụ xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử Bình Định	97.000.000	Chi tiết tại Phụ lục 5.1
2	Xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử Bình Định	266.864.010	Chi tiết tại Phụ lục 5.2
	Tổng cộng	363.864.010	
	Tổng cộng (làm tròn số)	363.864.000	



DỰ TOÁN CHI PHÍ TƯ VẤN KHẢO SÁT

(Tính theo công văn 1951/BTTTT-ƯDCNTT ngày 4/7/2013 Về việc hướng dẫn lập dự toán chi phí khảo sát dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN)

TT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị	Ký hiệu
I.	Chi phí chuyên gia		28.012.500	Ccg
1	Chi phí xây dựng Phương án điều tra khảo sát (Nhiệm vụ khảo sát)	58/2011/TT-BTC	4.500.000	C1
2	Chi phí lập mẫu phiếu khảo sát	58/2011/TT-BTC	4.500.000	C2
3	Chi phí thực hiện khảo sát (Có bảng chi tiết kèm theo)	58/2011/TT-BTC	7.012.500	C3
4	Chi phí lập Báo cáo kết quả điều tra khảo sát	58/2011/TT-BTC	12.000.000	C4
	Tổng chi phí chuyên gia	C1+C2+C3+C4	28.012.500	Ccg
II.	Chi phí quản lý	Ccg*45%	12.605.625	Cql
III.	Chi phí khác		42.601.250	Ck
1	Chi phí đi lại, ăn ở của chuyên gia đi khảo sát (Có bảng chi tiết kèm theo)		39.800.000	
2	Chi phí văn phòng phẩm, hội nghị, hội thảo	Ccg *10%	2.801.250	
IV.	Thu nhập chịu thuế tính trước	(Ccg+Cql+Ck)*6%	4.993.163	TL
1	Chi phí khảo sát trước thuế	(Ccg+Cql+Ck+TL)	88.212.538	G
V.	Thuế giá trị gia tăng	G x T^{GTGT}	8.821.254	GTGT
	Tổng cộng	G+ GTGT	97.033.791	
	Tổng cộng (làm tròn số)		97.000.000	

Bảng chi phí thực hiện khảo sát

STT	Hạng mục khảo sát	SL ngày công (ngày công/Hạng mục/người)	SL chuyên gia khảo sát điểm (người/điểm KS)	Mức tiền công chuyên gia KS	Số điểm khảo sát
1.	Hạng mục phần cứng máy tính	0,5	1	137.500	34
2.	Hạng mục phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu	0,5	1	137.500	34
3.	Hạng mục mạng máy tính	0,5	1	137.500	34
	Tổng cộng				

Bảng tính số ngày đi khảo sát

TT	Tổng các điểm cần khảo sát theo hạng mục	Số ngày 1 người KS	Số ngày 2 người KS
	102	51	25,5
	Làm tròn		26

Bảng tính chi phí đi lại ăn, ở của chuyên gia đi khảo sát					
TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí vé máy bay khứ hồi từ Hà Nội - Phú Cát -Hà Nội (4 người x 2 lượt khứ hồi mỗi người)	vé	8	2.100.000	16.800.000
2	Chi phí đi lại phục vụ khảo sát (gồm đi lại ra sân bay, đi chuyển khảo sát trên địa bàn tỉnh)	trọn gói	1	10.000.000	10.000.000
3	Chi lưu trú (2 người/1 tháng)	ngày/người	26	500.000	13.000.000
	Tổng cộng				39.800.000

CHI PHÍ XÂY DỰNG KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

TT	Công việc thực hiện + Chi phí	Ngày công				Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		M4	M3	M2	M1		
I	Lập-Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Định					266.864.010	
1	Chi phí chuyên gia (CG)					154.318.182	
1,1	Nghiên cứu Mục đích và phạm vi áp dụng	3	3	3	2	12.500.000	Nội dung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định căn cứ theo Văn bản số 2384/BTTTT-THH ngày 28/7/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Áp dụng mức lương chuyên gia theo thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH.
1,2	Nghiên cứu Hiện trạng phát triển CQĐT của tỉnh	6	6	3	3	19.090.909	
1,3	Nghiên cứu Định hướng xây dựng Kiến trúc CQĐT của tỉnh	2	2	3	3	12.727.273	
1,4	Nghiên cứu Mô hình liên thông nghiệp vụ, thông tin	5	6	10	10	40.681.818	
1,5	Đề xuất Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh	5	6	10	10	40.681.818	
1,6	Đề xuất phương án tổ chức triển khai Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh	6	6	6	6	28.636.364	
II	Chi phí quản lý (45% của CG) (QL)					69.443.182	Quyết định số 993/QĐ-BTTTT
III	Chi phí khác (K)					5.110.000	Có bảng chi tiết kèm theo
IV	Thu nhập chịu thuế tính trước 6% của (CG+QL+K) (TN)					13.732.282	Quyết định số 993/QĐ-BTTTT
	Tổng trước VAT					242.603.645	
V	VAT: 10% của (CG+QL+K +TN)					24.260.365	

Ghi chú: Lương chuyên gia tư vấn lấy theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	Lương CGTV Mức 4	Lương CGTV Mức 3	Lương CGTV Mức 2	Lương CGTV Mức 1
	15.000.000	20.000.000	30.000.000	40.000.000
Đơn giá ngày công	681.818	909.091	1.363.636	1.818.182

CHI PHÍ KHÁC					
TT	Vật tư, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng				5.110.000
1	Giấy in/photocopy A4 Indo Bic (80g/m ²)	Ram	25	80.000	2.000.000
2	Giấy bìa đóng quyển A4	Ram	5	50.000	250.000
3	File EG 7cm dài loan	chiếc	10	40.000	400.000
4	Băng dính	Cuộn	5	28.000	140.000
5	Kẹp 51 mm	Hộp	5	23.000	115.000
6	Bìa mica A3, A4	gam	6	70.000	420.000
7	Ghim dập số các loại: 23/8, 23/15, 23/20	Bộ	5	57.000	285.000
8	Mực photo	Hộp	3	500.000	1.500.000



**KINH PHÍ KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CNTT TẠI CÁC TỔ CHỨC KINH
TẾ, CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2017**

*(Dựa theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh
phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia)*

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi xây dựng Phương án điều tra, thống kê và lập mẫu phiếu điều tra, thống kê	Lần	1	20.000.000	20.000.000
2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê	Lần	1	10.000.000	10.000.000
3	In ấn tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu phiếu khảo sát gửi các đơn vị	Bộ	79	30.000	2.370.000
4	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra gồm: 32 CQNN; 47 Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn NN	Đơn vị	79	100.000	7.900.000
5	Chi tiền công cho điều tra viên là cán bộ, công chức thực hiện việc rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê, thu thập số liệu, phúc tra phiếu điều tra thống kê...(bằng 50% mức thuê điều tra viên thuê bên ngoài)	4 người x 10 ngày công x mức lương vùng * 50%			3.180.000
6	Chi phí văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ công tác điều tra thống kê	Bộ	79	20.000	1.580.000
7	Tổ chức công bố kết quả điều tra	Lần	1	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng					50.030.000
Tổng cộng (làm tròn số)					50.000.000